

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ENTEKO VIỆT NAM**

Mã chứng khoán: GMA

Trụ sở chính: Số nhà 20, phố Phạm Hồng Thái, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (024) 37 956 373

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy- Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Enteko Việt Nam

Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  Bất thường  Theo yêu cầu  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:** Công bố thông tin Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 01/01/2022 đến 30/06/2022 đã được soát xét đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) ký ngày 02/08/2022 .

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 07/08/2022 tại đường dẫn: <https://www.enteko.vn>, mục Quan hệ cổ đông/Thông tin tài chính.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:  
- Như kính gửi;  
- Lưu: VP.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**Nguyễn Thị Thanh Thủy**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022**  
**đã được soát xét**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	03-04
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	05-06
<b>Báo cáo Tài chính đã được soát xét</b>	
Bảng cân đối kế toán	07-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12-33

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 10/10/2011, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 13/10/2021 với mã số doanh nghiệp là 0105558271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số nhà 20, Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

#### **Hội đồng quản trị**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Bà: Tổng Thị Thu Huyền	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 18/04/2022)
Bà: Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 18/04/2022)
Bà: Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/04/2022)
Bà: Đào Thị Như Thùy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/04/2022)
Ông: Nguyễn Trần Minh Quân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/04/2022)
Ông: Bùi Đức Toàn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/04/2022)
Bà: Ninh Thị Liễu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/04/2022)

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20/04/2022)
Ông Nguyễn Trần Minh Quân	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20/04/2022)

#### **Ban Kiểm soát**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Bà: Lê Thị Hương Giang	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 21/04/2022)
Bà: Ninh Thị Liễu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/04/2022)
Bà: Đặng Thu Trang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/04/2022)
Bà: Đỗ Thị Xuân	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 15/04/2022)
Bà: Nguyễn Thị Chà	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/04/2022)

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2021

**TM, Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Thanh Thủy**

Số : 577/BCKT/TC/NV7

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam lập ngày 15/07/2022, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 22/03/2022.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 04/08/2021.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ  
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**



---

**TRẦN TRÍ DŨNG**

**Phó Tổng Giám đốc**

*Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 0895-2018-126-1*

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>34.064.755.829</b>	<b>24.124.176.730</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>2.032.173.992</b>	<b>117.378.107</b>
1. Tiền	111		2.032.173.992	117.378.107
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>31.328.718.822</b>	<b>22.290.321.571</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	7.144.916.037	6.113.673.014
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	2.867.307.485	242.595.990
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04		39.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	21.316.495.300	15.955.651.867
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	-	(60.599.300)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>702.999.678</b>	<b>1.710.433.717</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.07	702.999.678	1.710.433.717
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>863.337</b>	<b>6.043.335</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	863.337	6.043.335
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>89.296.743.289</b>	<b>85.554.310.183</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>			
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09		
- Nguyên giá	222		227.751.865	227.751.865
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(227.751.865)	(227.751.865)
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.10	<b>89.207.649.005</b>	<b>85.340.187.965</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		31.340.613.040	11.760.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		57.867.035.965	73.580.187.965
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>89.094.284</b>	<b>214.122.218</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	89.094.284	214.122.218
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>123.361.499.118</b>	<b>109.678.486.913</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			30/06/2022	01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>41.343.019.588</b>	<b>31.226.423.043</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.215.007.635</b>	<b>6.754.890.651</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	11.003.154.140	2.129.105.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	22.000.000	1.988.525.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	573.671.605	1.027.405.834
4. Phải trả người lao động	314		141.856.795	1.313.738.378
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.094.812.208	279.479.492
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	13.512.887	16.636.947
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	3.366.000.000	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>25.128.011.953</b>	<b>24.471.532.392</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14	2.018.011.953	1.361.532.392
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	23.110.000.000	23.110.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>82.018.479.530</b>	<b>78.452.063.870</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.19	<b>82.018.479.530</b>	<b>78.452.063.870</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		71.999.990.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		71.999.990.000	60.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.018.489.530	18.452.063.870
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.267.606.679	13.025.982.326
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b		3.750.882.851	5.426.081.544
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>123.361.499.118</b>	<b>109.678.486.913</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2022

Người lập biểu



Đỗ Minh Khuyên

Kế toán trưởng



Đỗ Minh Khuyên

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Thủy

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	34.939.926.364	65.292.790.740
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	34.939.926.364	65.292.790.740
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	31.024.413.065	59.105.075.597
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.915.513.299	6.187.715.143
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.885.714.220	14.894.863
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.471.812.277	904.803.752
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.471.812.277	904.376.203
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	5.709.750	249.140.678
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1.186.395.982	2.181.554.818
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.137.309.510	2.867.110.758
11. Thu nhập khác	31	VI.7		1.588.101.449
12. Chi phí khác	32	VI.8	53.036.438	948.968.352
13. Lợi nhuận khác	40		(53.036.438)	639.133.097
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.084.273.072	3.506.243.855
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	333.390.221	701.248.771
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.750.882.851	2.804.995.084
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	604	467
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	604	467

Người lập biểu



Đỗ Minh Khuyên

Kế toán trưởng



Đỗ Minh Khuyên

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Thủy

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.084.273.072	3.506.243.855
2. Điều chỉnh cho các khoản		(1.474.501.243)	(442.906.094)
- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02	-	255.286.466
- Các khoản dự phòng		(60.599.300)	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	427.549
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.885.714.220)	(1.602.996.312)
- Chi phí lãi vay	06	1.471.812.277	904.376.203
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.609.771.829	3.063.337.761
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(9.016.797.951)	46.816.472.509
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.007.434.039	6.043.267.799
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	6.000.886.590	(51.416.856.266)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	130.207.932	260.361.282
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(342.918.618)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.055.492.543)	(671.614.173)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(184.467.191)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(508.457.295)</b>	<b>3.752.050.294</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(6.000.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	10.957.272.728
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(4.612.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	39.000.000	3.835.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.350.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	8.958.140.159	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.410.113.021	1.268.151
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(942.746.820)</b>	<b>4.181.540.879</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	#
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.366.000.000	34.760.000.000	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(43.664.071.915)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>3.366.000.000</i>	<i>(8.904.071.915)</i>	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.914.795.885	(970.480.742)	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	117.378.107	1.541.859.946	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(427.549)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.032.173.992	570.951.655	

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2022

Người lập biểu



Đỗ Minh Khuyên

Kế toán trưởng



Đỗ Minh Khuyên


 Tổng Giám đốc


 Nguyễn Thị Thanh Thủy

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 10/10/2011, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 13/10/2021 với mã số doanh nghiệp là 0105558271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh lần thứ 6 là 60.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 71.999.990.000 đồng (Bảy mươi một tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng chẵn). Công ty đang thực hiện thủ tục thay đổi giấy phép đăng ký doanh nghiệp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2022 là 11 người.

Trụ sở chính của Công ty tại Số nhà 20, Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, thương mại.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- ✓ Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Trừ đấu giá
- ✓ Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động
- ✓ Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng
- ✓ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- ✓ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- ✓ Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- ✓ Sửa chữa máy móc, thiết bị
- ✓ Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- ✓ Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- ✓ Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
- ✓ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- ✓ Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- ✓ Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)
- ✓ Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Trừ đấu giá
- ✓ Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu/ Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa

- ✓ Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản
- ✓ Hoạt động tư vấn quản lý;
- ✓ Cho thuê xe có động cơ. Trừ đầu giá
- ✓ Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: (trừ máy bay, khinh khí cầu)
- ✓ Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp
- ✓ Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Thời điểm 30/06/2022, văn phòng của Công ty đặt tại Số nhà 20, Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội.

**Tổng số các công ty liên kết: 03 Công ty**

<b>Danh sách các Công ty liên kết</b>	<b>: Tỷ lệ lợi ích (%)</b>	<b>: Quyền biểu quyết (%)</b>
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Dân Hưng Yên	: 49%	: 49%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội	: 30,875%	: 30,875%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân	: 24%	: 24%

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch. Cho kỳ kế toán này, Công ty lập báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

#### **2. Nguyên tắc kế toán phải thu**

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;

- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

### **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

#### ***a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

#### ***b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

#### ***c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### ***d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**



Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

### **5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;

- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay**

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

## **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

### ***a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

### ***b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối***

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### ***a. Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

### ***b. Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo

kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### ***c. Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### ***d. Thu nhập khác***

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

## **12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### **13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

### **14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

**17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****a. Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*

## Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**b. Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Đơn vị tính: đồng	
		30/06/2022	01/01/2022
<b>1 . Tiền và các khoản tương đương tiền</b>			
Tiền mặt tại quỹ		89.932.967	90.309.023
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		1.942.241.025	27.069.084
<b>Cộng</b>		<b>2.032.173.992</b>	<b>117.378.107</b>
<b>2 . Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>			
a) Phải thu khách hàng		6.216.836.037	5.672.573.014
- Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Quân		319.800.000	1.736.800.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng nền móng dân dụng và Công nghiệp Minh Đức		1.236.159.578	1.236.159.578
- Công ty Cổ phần Phát triển Máy Xây dựng Việt Nam		1.350.486.000	-
- Công ty Cổ phần Vmac		784.887.679	-
- Các khách hàng khác		2.525.502.780	2.699.613.436
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		928.080.000	441.100.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân		657.000.000	441.100.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội		271.080.000	-
<b>Cộng</b>		<b>7.144.916.037</b>	<b>6.113.673.014</b>
<b>3 . Trả trước người bán ngắn hạn</b>			
a) Trả trước cho người bán		2.867.307.485	242.595.990
- Rent Centric, Inc		-	158.595.990
- Công ty Cổ phần Chứng khoán APG		40.000.000	40.000.000
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam		44.000.000	44.000.000
- Công ty Cổ phần Fittran Invest		2.555.067.020	-
- Trả trước cho người bán khác		228.240.465	-
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan		-	-
<b>Cộng</b>		<b>2.867.307.485</b>	<b>242.595.990</b>
<b>4 . Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>			
- Công Ty TNHH Đầu Tư và Thương Mại Sen Trắng		-	39.000.000
<b>Cộng</b>		<b>-</b>	<b>39.000.000</b>
<b>5 . Phải thu khác</b>			
		30/06/2022	01/01/2022
		Giá trị	Giá trị
		Dự phòng	Dự phòng
Phải thu khác		15.231.095	2.794.851.130
- Lãi cho vay		15.231.095	15.231.095
- Cổ tức được chia của Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu Thanh toán An Du		-	2.779.620.035
Tạm ứng		21.257.264.205	13.116.800.737
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn		44.000.000	44.000.000
<b>Cộng</b>		<b>21.316.495.300</b>	<b>15.955.651.867</b>



6 . Nợ xấu	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-	60.599.300	(60.599.300)
+ Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu thép Việt Nhật	-	-	60.599.300	(60.599.300)
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>60.599.300</b>	<b>(60.599.300)</b>

7 . Hàng tồn kho	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	86.261.290	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	687.002.178	-	536.028.478	-
Hàng hóa	15.997.500	-	1.088.143.949	-
<b>Cộng</b>	<b>702.999.678</b>	<b>-</b>	<b>1.710.433.717</b>	<b>-</b>

8 . Chi phí trả trước	30/06/2022	01/01/2022
	<i>a, Ngắn hạn</i>	<b>863.337</b>
Chi phí khác	863.337	6.043.335
<i>b, Dài hạn</i>	<b>89.094.284</b>	<b>214.122.218</b>
Chi phí khác	89.094.284	214.122.218
<b>Cộng</b>	<b>89.957.621</b>	<b>220.165.553</b>

## 9 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu kỳ	227.751.865	-	-	-	227.751.865
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	227.751.865	-	-	-	227.751.865
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	227.751.865	-	-	-	227.751.865
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	227.751.865	-	-	-	227.751.865
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 30/06/2022 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

227.751.865

10 . Đầu tư tài chính dài hạn	30/06/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
<b>- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>31.340.613.040</b>	-		<b>11.760.000.000</b>	-	
+ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Dân Hưng Yên (1)	11.760.000.000	-		11.760.000.000	-	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân (6)	7.230.613.040	-		-	-	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội (2)	12.350.000.000	-		-	-	
<b>- Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>57.867.035.965</b>	-		<b>73.580.187.965</b>	-	
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng Sản (3)	47.113.920.000	-		47.113.920.000	-	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TMC (4)	3.000.000.000	-		3.000.000.000	-	
+ Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu Thanh toán An Du (5)	7.753.115.965	-		7.753.115.965	-	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân (6)		-		15.713.152.000	-	
<b>Cộng</b>	<b>89.207.649.005</b>	-		<b>85.340.187.965</b>	-	

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giả niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(1) Vốn góp của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Dân Hưng Yên là 24.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam sở hữu 49% với giá mua 11.760.000.000 đồng.

(2) Vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội là 40.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam sở hữu 30,875% tương đương 12.350.000.000 đồng.

(3) Vốn góp của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng Sản là 800.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam sở hữu 4,99% với giá mua 47.113.920.000 đồng.

(4) Vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TMC là 20.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam sở hữu 15% với giá mua 3.000.000.000 đồng.

(5) Vốn góp của Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu Thanh toán An Du là 200.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam sở hữu 4,1% với giá mua 7.753.115.965 đồng.

(6) Tại thời điểm 01/01/2022, vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân là 52.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam sở hữu 19% với giá mua 15.713.152.000 đồng. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân đã thực hiện giảm vốn góp còn 20.000.000.000 đồng và Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam đã bán một phần vốn góp. Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam sở hữu 24% với giá mua 7.230.613.040 đồng.

11 . Phải trả người bán ngắn hạn	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	11.003.154.140	11.003.154.140	2.129.105.000	2.129.105.000
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Quang Trung	4.606.865.320	4.606.865.320	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Bảo Tiến	1.290.000.000	1.290.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Enko Việt Nam	2.009.542.860	2.009.542.860	-	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị 999	1.074.000.000	1.074.000.000	1.074.000.000	1.074.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thiên Việt	1.050.000.000	1.050.000.000	1.050.000.000	1.050.000.000
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	972.745.960	972.745.960	5.105.000	5.105.000
<b>Cộng</b>	<b>11.003.154.140</b>	<b>11.003.154.140</b>	<b>2.129.105.000</b>	<b>2.129.105.000</b>

12 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	30/06/2022	01/01/2022
- Công ty Cổ phần SMK Việt Nam	-	1.088.525.000
- Công ty Cổ phần Thiết bị 365	-	900.000.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	22.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>22.000.000</b>	<b>1.988.525.000</b>

13 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	01/01/2022		Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/được bù trừ trong kỳ	30/06/2022	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	7.581.826	3.443.934.081	3.231.450.022	-	220.065.885
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	888.694.646	500.188.118	1.055.492.543	-	333.390.221
Thuế thu nhập cá nhân	-	131.129.362	117.429.312	228.343.175	-	20.215.499
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	53.036.438	53.036.438	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.027.405.834</b>	<b>4.117.587.949</b>	<b>4.571.322.178</b>	<b>-</b>	<b>573.671.605</b>

(\*) Trong đó:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ:	333.390.221
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo biên bản kiểm tra thuế:	166.797.897
<b>Cộng</b>	<b>500.188.118</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . Chi phí phải trả	30/06/2022	01/01/2022
a, Ngắn hạn	1.094.812.208	279.479.492
Chi phí lãi vay trích trước	1.094.812.208	279.479.492
b, Dài hạn	2.018.011.953	1.361.532.392
Chi phí lãi vay trích trước	2.018.011.953	1.361.532.392
<b>Cộng</b>	<b>3.112.824.161</b>	<b>1.641.011.884</b>

15 . Phải trả ngắn hạn khác	30/06/2022	01/01/2022
- Kinh phí công đoàn	1.133.995	8.545.315
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	10.175.820	-
- Quỹ văn hóa	2.203.072	8.091.632
<b>Cộng</b>	<b>13.512.887</b>	<b>16.636.947</b>

  

16 . Vay và nợ thuê tài chính	30/06/2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	01/01/2022
<b>16.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>3.366.000.000</b>	<b>3.366.000.000</b>	-	-
a, Vay ngắn hạn	3.366.000.000	3.366.000.000	-	-
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản (1)</i>	<i>1.950.000.000</i>	<i>1.950.000.000</i>	-	-
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Sen Trắng (2)</i>	<i>1.416.000.000</i>	<i>1.416.000.000</i>	-	-
<b>16.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>23.110.000.000</b>	-	-	<b>23.110.000.000</b>
a, Vay dài hạn	23.110.000.000	-	-	23.110.000.000
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản (3)</i>	<i>23.110.000.000</i>	-	-	<i>23.110.000.000</i>
<b>16.3 Số có khả năng trả nợ</b>	<b>26.476.000.000</b>			<b>23.110.000.000</b>
a, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.366.000.000	-	-	-
b, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23.110.000.000	-	-	23.110.000.000

**Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ thuê tài chính:**

(1) Vay Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng Sản theo các hợp đồng vay sau:

**Hợp đồng vay số 2001/2022/HĐVV/MINEX-ENTECO ngày 20/01/2022 và hợp đồng vay số 1001/2022/HĐVV/MINEX-ENTECO ngày 10/01/2022**

Số tiền vay: 1.950.000.000 đồng

Thời hạn vay: 12 tháng

Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Lãi suất cho vay: 10%/ năm

Số dư vay tại 30/06/2022 là: 1.950.000.000 đồng

(2) Vay Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Sen Trắng theo các hợp đồng vay sau:

**Hợp đồng vay số 2803/2022/HĐVV/SENTRANG-ENTECO ngày 28/03/2022 và hợp đồng vay số 0605/2022/HĐVV/SENTRANG-ENTECO ngày 06/05/2022:**

Số tiền vay lần lượt là: 1.050.000.000 đồng; 366.000.000 đồng

Thời hạn vay: 12 tháng

Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Lãi suất cho vay lần lượt là: 11,82%/ năm; 6,5%/năm

Số dư vay tại 30/06/2022 là: 1.416.000.000 đồng

(3) *Vay Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng Sản theo các hợp đồng vay sau:*

**a. Hợp đồng vay số 2509/2021/HĐVV/MINEX-ENTECO ngày 25 tháng 09 năm 2021**

Số tiền vay: 11.760.000.000 đồng

Thời hạn vay: 26 tháng

Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Lãi suất cho vay: 11.82%/ năm

Số dư vay tại 30/06/2022 là: 11.760.000.000 đồng

**b. Hợp đồng vay số 1003/2021/HĐVV/MINEX-ENTECO ngày 10 tháng 03 năm 2021**

Số tiền vay: 11.200.000.000 đồng

Thời hạn vay: 33 tháng

Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Lãi suất cho vay: 11.82%/ năm

Số dư vay tại 30/06/2022 là: 11.200.000.000 đồng

**c. Hợp đồng vay số 1009/2021/MINEX-ENTECO ngày 10 tháng 09 năm 2021**

Số tiền vay: 150.000.000 đồng

Thời hạn vay: 24 tháng

Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Lãi suất cho vay: 6,5%/ năm

Số dư vay tại 30/06/2022 là: 150.000.000 đồng

## 19 . Vốn chủ sở hữu

### 19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Tổng cộng
<b>Số dư 01/01/2021</b>	<b>60.000.000.000</b>			<b>13.025.982.326</b>	<b>73.025.982.326</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	2.804.995.084	2.804.995.084
Lãi trong kỳ	-	-	-	2.804.995.084	2.804.995.084
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư 30/06/2021</b>	<b>60.000.000.000</b>			<b>15.830.977.410</b>	<b>75.830.977.410</b>
<b>Số dư 01/01/2022</b>	<b>60.000.000.000</b>			<b>18.452.063.870</b>	<b>78.452.063.870</b>
Tăng vốn trong kỳ	11.999.990.000	-	-	3.750.882.851	15.750.872.851
Lãi trong kỳ	-	-	-	3.750.882.851	3.750.882.851
Tăng trong kỳ	11.999.990.000	-	-		11.999.990.000
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	12.184.457.191	12.184.457.191
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	11.999.990.000	11.999.990.000
Giảm khác	-	-	-	184.467.191	184.467.191
<b>Số dư 30/06/2022</b>	<b>71.999.990.000</b>			<b>10.018.489.530</b>	<b>82.018.479.530</b>

	30/06/2022	01/01/2022
<b>19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Công ty TNHH Đầu tư G-Holding	13.680.000.000	11.400.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Gami	12.960.000.000	10.800.000.000
- Quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam	12.960.000.000	10.800.000.000
- Công ty cổ phần Chứng khoán Everest	10.800.000.000	9.000.000.000
- Cổ đông khác	21.599.990.000	18.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>71.999.990.000</b>	<b>60.000.000.000</b>
<b>19.3. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận</b>	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	11.999.990.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	71.999.990.000	60.000.000.000
<b>19.4. Cổ phiếu</b>	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.199.999	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	7.199.999	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.199.999	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.199.999	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.199.999	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
<b>20 . Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán</b>	30/06/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại	Nguyên tệ	Nguyên tệ
- USD	25,20	31,80
<b>VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH</b>		
		Đơn vị tính: Đồng
<b>1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
- Doanh thu bán hàng hóa	32.471.167.105	64.830.790.740
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.468.759.259	462.000.000
<b>Cộng</b>	<b>34.939.926.364</b>	<b>65.292.790.740</b>

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
<b>2 . Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	32.471.167.105	64.830.790.740
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.468.759.259	462.000.000
<b>Cộng</b>	<b>34.939.926.364</b>	<b>65.292.790.740</b>
<b>3 . Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn bán hàng hóa	30.311.883.065	58.855.075.598
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	712.530.000	249.999.999
<b>Cộng</b>	<b>31.024.413.065</b>	<b>59.105.075.597</b>
<b>4 . Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	353.914	14.894.863
- Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	475.601.199	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.409.759.107	
<b>Cộng</b>	<b>2.885.714.220</b>	<b>14.894.863</b>
<b>5 . Chi phí tài chính</b>		
- Lãi tiền vay	1.471.812.277	904.376.203
- Lỗ chênh lệch tỷ giá		427.549
<b>Cộng</b>	<b>1.471.812.277</b>	<b>904.803.752</b>
<b>6 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<i>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	<b>5.709.750</b>	<b>249.140.678</b>
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	5.709.750	65.454.546
- Chi phí khấu hao TSCĐ		5.286.467
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		178.399.665
- Chi phí khác bằng tiền		
<i>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<b>1.186.395.982</b>	<b>2.181.554.818</b>
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	124.498.182	194.906.736
- Chi phí nhân viên quản lý	1.014.626.012	1.828.495.724
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Hoàn nhập dự phòng	(60.599.300)	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.491.746	112.500.710
- Chi phí khác bằng tiền	86.379.342	42.651.648

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
<b>7 . Thu nhập khác</b>		
- Thanh lý tài sản cố định	-	1.588.101.449
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.588.101.449</b>
<b>8 . Chi phí khác</b>		
- Lãi phạt chậm nộp thuế, BHXH	53.036.438	31.048.352
- Các khoản chi phí khác		917.920.000
<b>Cộng</b>	<b>53.036.438</b>	<b>948.968.352</b>
<b>9 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
a. Lợi nhuận trước thuế	4.084.273.072	3.506.243.855
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	(2.417.321.969)	-
b.1 Các khoản điều chỉnh tăng	53.036.438	-
+ Các khoản không được trừ khác	53.036.438	
b.2 Các khoản điều chỉnh giảm	2.470.358.407	-
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.409.759.107	
+ Chi phí hoàn nhập dự phòng (chi phí trích lập dự phòng đã được loại trừ trên biên bản kiểm tra thuế ngày 03/09/2020 kỳ kiểm tra năm 2019)	60.599.300	
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	1.666.951.103	3.506.243.855
d. Thuế TNDN tính theo thuế suất thông thường = c*20%	333.390.221	701.248.771
<b>f. Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>333.390.221</b>	<b>701.248.771</b>
<b>10 . Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận sau thuế	3.750.882.851	2.804.995.084
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	6.212.155	6.000.000
<b>Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>604</b>	<b>467</b>



11 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	130.207.932	260.361.282
- Chi phí nhân công	1.014.626.012	1.828.495.724
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	5.286.467
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Hoàn nhập dự phòng	(60.599.300)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	169.465.446	290.900.375
- Chi phí khác bằng tiền	86.379.342	42.651.648
<b>Cộng</b>	<b>1.343.079.432</b>	<b>2.430.695.496</b>

## VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

### 2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 05/07/2022, Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam đã nhận được quyết định số 4228/UBCK-QLCB ngày 05/07/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận hồ sơ phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam. Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được thông qua như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 12.800.000 cổ phiếu
- Giá chào bán: 16.000 đồng/cổ phiếu
- Phương án phát hành: phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

### 3 . Thông tin về các bên liên quan

#### 3.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Dân Hưng Yên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng Sản	là cổ đông và có chung cổ đông lớn là Công ty Cổ phần Tập đoàn Gami

#### 3.2 Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

TT Các bên liên quan	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
<b>1 Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội</b>	
- Góp vốn	12.350.000.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	303.000.000
- Thanh toán công nợ	56.160.000
<b>2 Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân</b>	
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	303.000.000
- Thanh toán công nợ	113.360.000
- Thoái vốn	8.128.000.000
- Tiền cổ tức đã nhận (phần cổ tức sau thời điểm sở hữu)	578.159.841
- Tiền cổ tức đã nhận (phần cổ tức trước thời điểm sở hữu)	830.140.159

